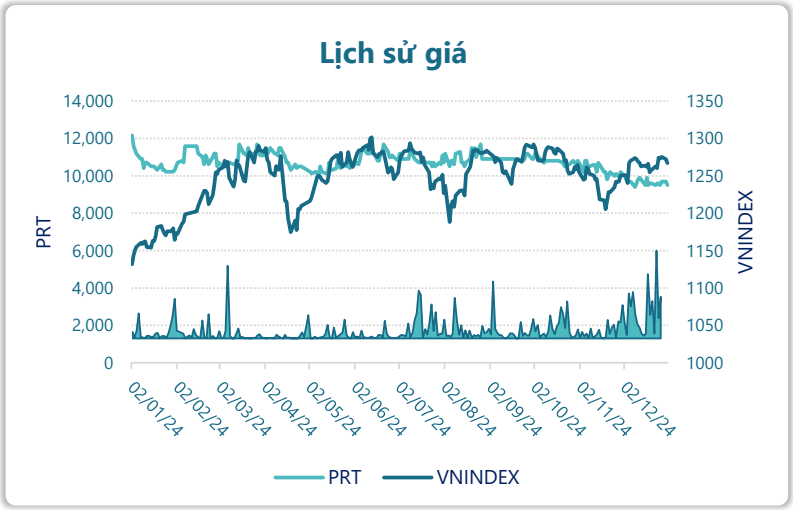
FireAnt

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,165
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,400
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,965
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,850
P/E	69.7
EPS	136

DT thuần

Q4/24

340

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 132| 63.4%

YoY: ▼167| -33.0%

LN sau thuế

Q4/24

79.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 80.7| 5453%

YoY: ▼79.8| -50.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

13.0%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

2024

987

tỷ VNĐ

YoY: ▼169| -14.7%

LN sau thuế

2024

86.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.8| -27.2%

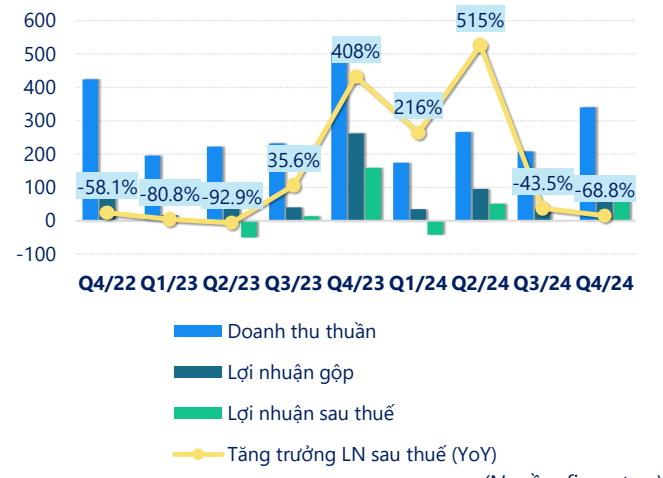
ROE

2024

1.0%

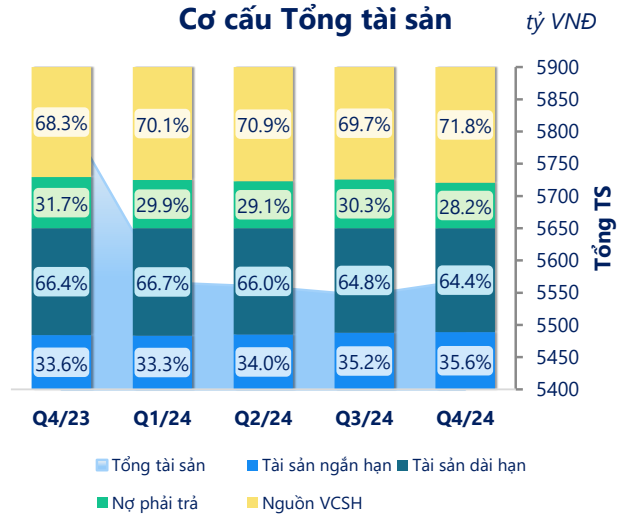
+/- YoY: ▼ 1.5%

Kết quả kinh doanh



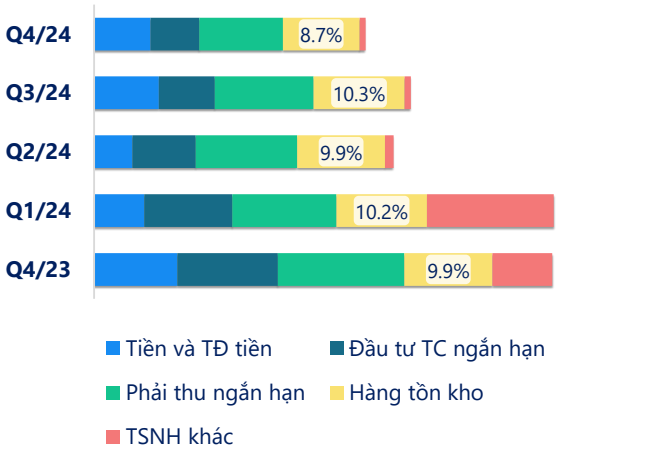
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



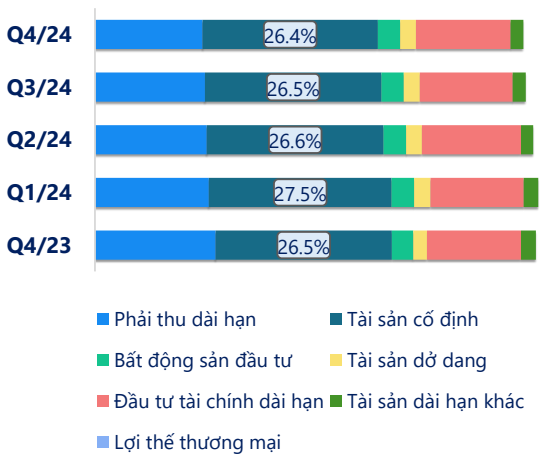
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



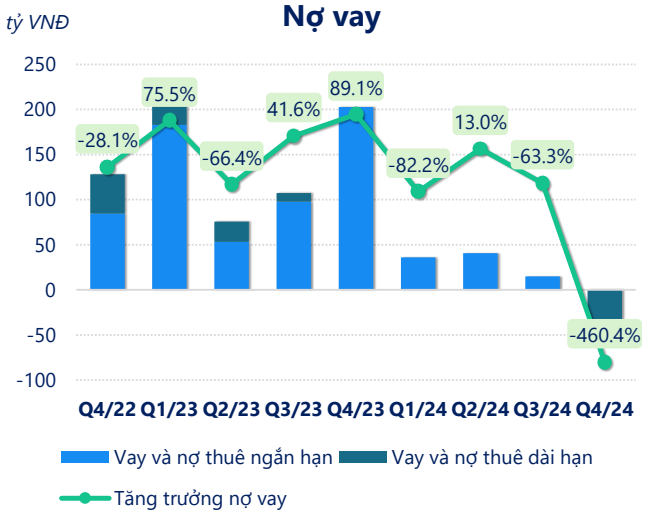
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



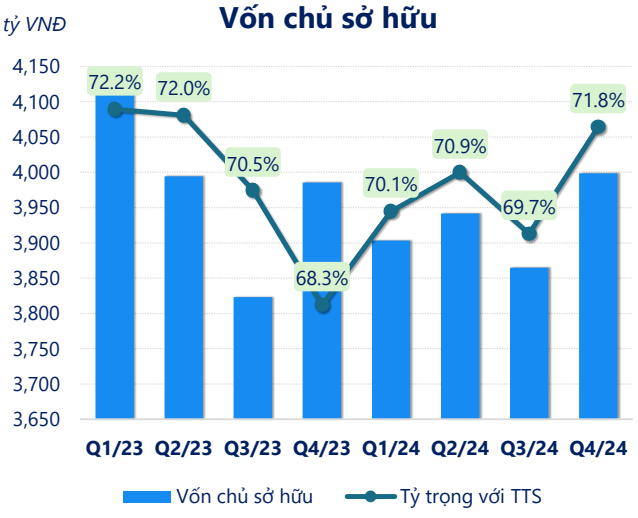
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



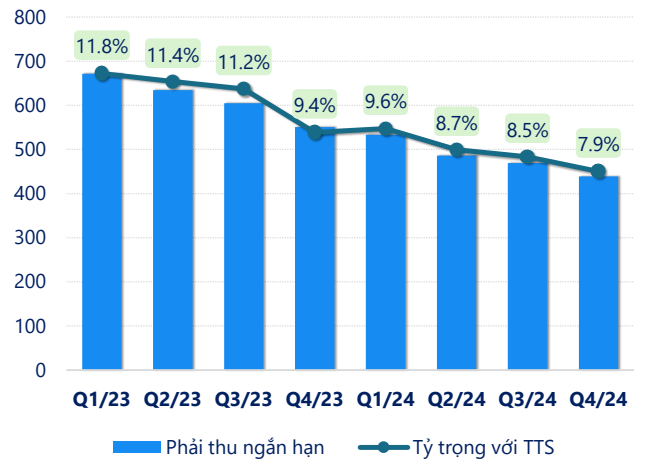
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



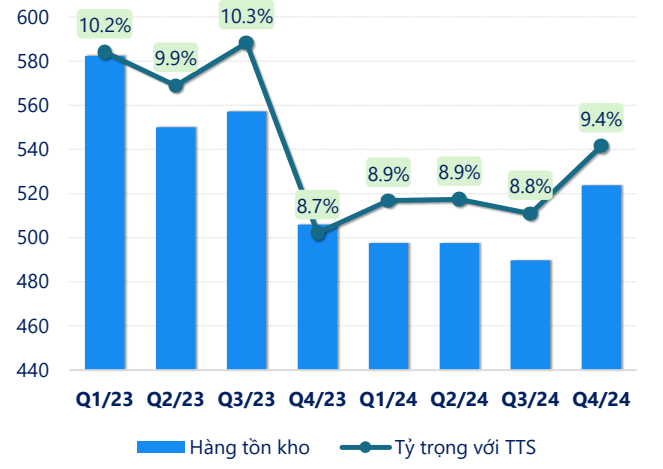
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



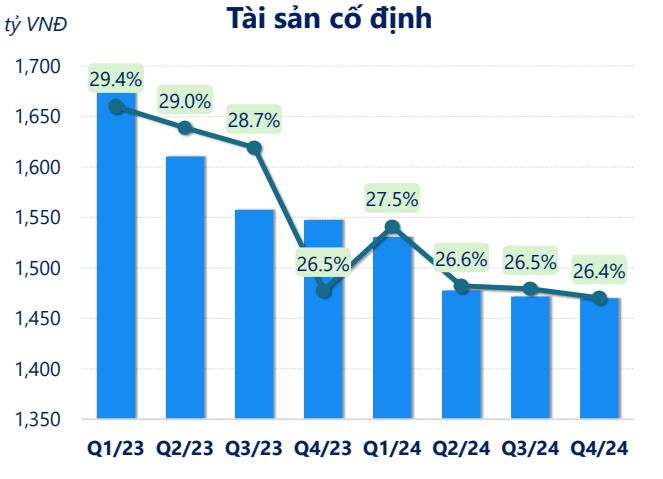
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



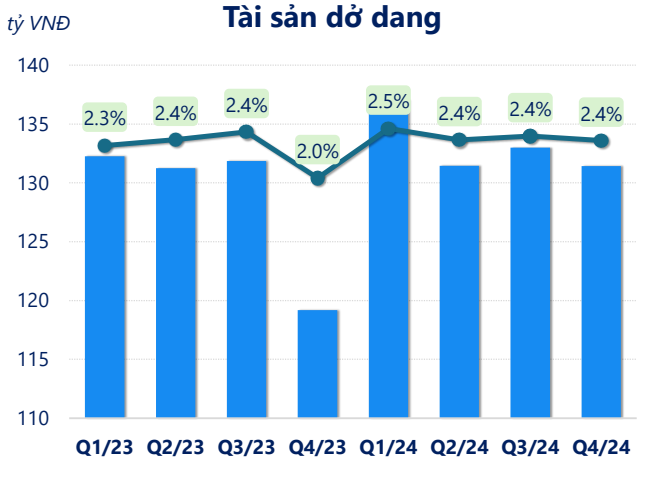
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



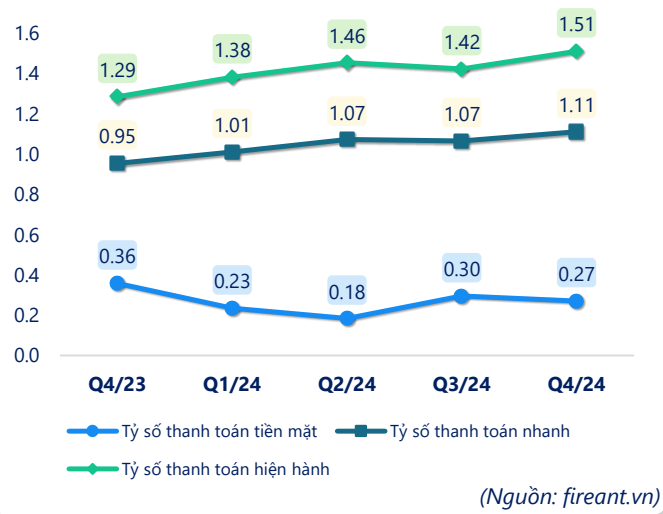
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



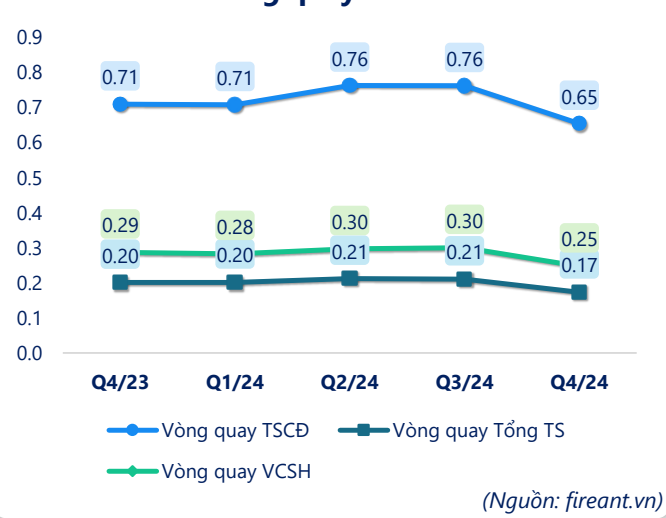
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**5,838**	**5,566**	**5,559**	**5,546**	**5,569**
Tài sản ngắn hạn	**1,964**	**1,855**	**1,893**	**1,952**	**1,980**
Tiền và tương đương tiền	547	315	239	405	355
Đầu tư tài chính ngắn hạn	320	465	624	545	622
Phải thu ngắn hạn	551	533	486	469	439
Hàng tồn kho	506	498	498	490	524
Tài sản ngắn hạn khác	40.0	44.6	45.9	42.8	40.5
Tài sản dài hạn	**3,874**	**3,711**	**3,667**	**3,594**	**3,589**
Phải thu dài hạn	1,059	954	936	918	901
Tài sản cố định	1,547	1,531	1,478	1,471	1,470
Bất động sản đầu tư	190	189	188	188	187
Tài sản dở dang	119	137	131	133	131
Đầu tư tài chính dài hạn	826	779	829	775	794
Tài sản dài hạn khác	131	121	104	108	106
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,853**	**1,663**	**1,618**	**1,682**	**1,571**
Nợ ngắn hạn	**1,528**	**1,342**	**1,300**	**1,371**	**1,310**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	203	36.1	40.8	15.0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	18.2	15.4	12.5	8.32	25.9
Nợ dài hạn	325	321	317	310	260
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	-54.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,985**	**3,903**	**3,941**	**3,865**	**3,999**
Vốn chủ sở hữu	**3,985**	**3,903**	**3,941**	**3,865**	**3,999**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)